

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Long;
2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Diệp M, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Công Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/5/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị Diệp M trình bày:*

Chị M và anh Đ kết hôn vào ngày 17/8/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, hiện chị và anh Đ đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị M và anh Đ có 02 người con chung tên là Phạm Thị Ngọc X, sinh ngày 23/10/2003 và Phạm Thị Xuân P, sinh ngày 19/12/2005 (hiện hai cháu đang sống cùng chị M). Nếu ly hôn, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai cháu X, P và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Công Đ trình bày:*

Điều kiện kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh Đ và chị M đúng như chị M đã trình bày, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ và chị M có hai người con chung đúng như chị M đã trình bày, hiện hai cháu Phạm Thị Ngọc X, sinh ngày 23/10/2003 và Phạm Thị Xuân P, sinh ngày 19/12/2005 đang sống cùng chị M. Chị M yêu cầu được nuôi hai cháu X và P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh Đ đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đinh Thị Diệp M được ly hôn với anh Phạm Công Đ.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Ngọc X, sinh ngày 23/10/2003 và Phạm Thị Xuân P, sinh ngày 19/12/2005 cho chị Đinh Thị Diệp M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Diệp M, anh Phạm Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Đinh Thị Diệp M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Phạm Công Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Diệp M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Công Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Diệp M và anh Phạm Công Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh Đ đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do anh, chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và anh, chị đã sống ly thân. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy, việc chị M yêu cầu xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: Chị Đinh Thị Diệp M và anh Phạm Công Đ đều xác nhận có hai con chung tên Phạm Thị Ngọc X, sinh ngày 23/10/2003 và Phạm Thị Xuân P, sinh ngày 19/12/2005, hiện nay con chung đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi hai cháu X, P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Đ đồng ý, hai cháu X và P cũng có nguyện vọng được sống cùng chị M. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Thị Ngọc X và Phạm Thị Xuân P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Diệp M và anh Phạm Công Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Ngọc X, sinh ngày 23/10/2003 và Phạm Thị Xuân P, sinh ngày 19/12/2005 cho chị Đinh Thị Diệp M trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con (anh Đ) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Diệp M phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011372 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan